Mandarin 1
Chinese Numbers 数字 shù zì 0-99
Speaking Exercise

0 〇 líng	1 一 yī	2 二 èr	3 三 sān	4 四 sì	5 五 wǔ	6 六 liù	7 七 qī	8 八 bā	9 九 jiǔ	10 十 shí

Please read the following numbers in Chinese (5 points)

7	17
40	56
69	71
88	90
92	99